

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Bản án số: **50/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/4/2022

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Phương Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Đức Minh**

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: **Bà Bùi Thúy Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **400/2021/TLST-HNGĐ** ngày 10/12/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **05/2022/QĐXX-ST** ngày 04/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số **11/2022/QĐST-HNGĐ** ngày 24/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm: 1975.

ĐKNKTT: đường Ngọc Lâm, tổ 11, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Mạnh H, sinh năm: 1964

ĐKNKTT: đường Ngọc Lâm, tổ 11, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai của chị Trần Thị Bích T là nguyên đơn trình bày:**

Về tình cảm: Chị và anh Trần Mạnh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/9/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, Hà

Nội (nay là phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội) .

Sau khi cưới anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, lối sống cũng như quan điểm làm ăn, cách nuôi dạy con cái. Anh chị vì H cảnh nên không ở cạnh nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau mà mạnh ai nấy sống. Cuộc sống luôn căng thẳng, mệt mỏi, thường xuyên chiến tranh lạnh kéo dài. Tình cảm vợ chồng không còn. Đến cuối năm 2013, mâu thuẫn thực sự trầm trọng và sống ly thân. Nay chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Trần Thị Bạch T, sinh ngày 12/4/1996 và Trần Bảo N, sinh ngày 16/5/2006. Hiện nay cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi, còn cháu N hiện đang ở với anh H. Chị T để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 4/2022.

Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Trần Mạnh H:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H hợp lệ nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án để làm việc mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị T và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, không có tiếng nói chung nên anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn xin ly hôn, anh H không đến tòa để trình bày quan điểm, không chấp hành pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, 51, khoản 2 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên là Trần Thị Bạch T, sinh ngày 12/4/1996 và Trần Bảo N, sinh ngày 16/5/2006. Hiện nay cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi. Giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T là 2.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T xin ly hôn anh H có ĐKNKTT và chỗ ở tại đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do vậy, việc chị T khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên – thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai, yêu cầu về việc ly hôn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Bị đơn là anh Trần Mạnh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên toà vào ngày 24/3/2022 nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 12/4/2022. Tại phiên toà ngày 12/4/2022, anh H tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai anh H vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T và anh Trần Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, Hà Nội (nay là phường Ngọc Lâm, Long Biên, thành phố Hà Nội). Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, cách nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế. Chị T bỏ đi làm ăn xa, anh H không có thiện chí hàn gắn, vợ chồng mỗi người một nơi, mạnh ai nấy sống và ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Quá trình giải quyết ly hôn, anh H cũng không có thái độ cũng như thiện chí hòa giải và không đến Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải anh chị.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống thấy thực tế anh chị ly thân nhiều năm, chị T không chung sống cùng anh H và các con. Vợ chồng ly thân và không liên hệ tình cảm với nhau cả thời gian dài.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã kéo dài, cuộc sống chung của anh chị không tồn tại nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H có căn cứ, được chấp nhận là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung:

Anh chị có 2 con chung là cháu Trần Thị Bạch T sinh ngày 12/4/1996 (đã trưởng thành trên 18 tuổi) và cháu Trần Bảo N, sinh ngày 16/5/2006 hiện đang ở cùng anh H. Xét H cảnh thực tế, nguyện vọng của các đương sự cũng như của cháu N muốn được tiếp tục ở với bố nên HĐXX giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N với anh H 2.000.000đ/1 tháng là H toàn phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và công nợ, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số **326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị Bích T** đối với anh **Trần Mạnh H**. Chị **Trần Thị Bích T** được ly hôn anh **Trần Mạnh H**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 10/9/1997 do Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, Hà Nội (nay là phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội) cấp cho chị Trần Thị Bích T và anh Trần Mạnh H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Xác nhận chị Trần Thị Bích T và anh Trần Mạnh H có 02 con chung là: Trần Thị Bạch T, sinh ngày 12/4/1996 và Trần Bảo N, sinh ngày 16/5/2006. Hiện nay cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi. Giao cho anh Trần Mạnh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Bảo N cho đến khi cháu N thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 04/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị T có quyền gặp gỡ và chăm sóc các con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình. Xác nhận chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **64855** ngày 10/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên nay chuyển thành án phí. Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị Trần Thị Bích T, anh Trần Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tông đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Huyền